Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
VÀ CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
Ngày ký: 28-07-2026 15:34:24
+07:00

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2026/NQ-HĐND	*Khánh Hòa, ngày 08 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 8298/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 71/BC-BKTNS ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 265/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tham gia hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa.

2. Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa.

Điều 3. Chính sách cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa

1. Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo Danh mục lĩnh vực đầu tư được Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa cho vay và được ngân sách cấp bù lãi suất giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại Điều 4 Nghị quyết này được cấp bù lãi suất sau cho vay.

2. Mức cấp bù lãi suất theo tỷ lệ phần trăm (%) so với lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng thời kỳ, nhưng không quá 100% lãi suất tối thiểu. Mức cấp bù từng lĩnh vực được quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

3. Mức vốn vay được cấp bù lãi suất là số tiền chủ đầu tư thực vay theo quy định của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa.

4. Thời gian thực hiện cấp bù lãi suất theo thời gian cho vay của hợp đồng tín dụng giữa chủ đầu tư và Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa.

5. Các khoản vay được cấp bù lãi suất là các khoản vay trả nợ trong hạn; không cấp bù lãi suất đối với các khoản vay quá hạn, các khoản vay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh mức trả nợ theo từng kỳ hạn, gia hạn nợ so với Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

6. Nguồn vốn thực hiện chính sách cấp bù lãi suất được bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Danh mục lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được

Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa cho vay, được ngân sách cấp bù lãi suất giai đoạn 2026 – 2030 và mức cấp bù lãi suất Danh mục lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa cho vay, được ngân sách cấp bù lãi suất giai đoạn 2026 - 2030 và mức cấp bù lãi suất đối với từng lĩnh vực thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với các hợp đồng tín dụng giữa chủ đầu tư và Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa đã ký kết trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo các Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013, Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015, Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa được tiếp tục thực hiện chính sách cấp bù lãi suất theo nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến hết thời hạn vay của hợp đồng tín dụng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2026 và được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện rà soát, bổ sung nội dung phù hợp với các quy định mới của pháp luật trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà Khóa VIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Lâm Đông

Phụ lục

DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI ĐƯỢC QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁNH HÒA CHO VAY, ĐƯỢC NGÂN SÁCH CẤP BÙ LÃI SUẤT GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ MỨC CẤP BÙ LÃI SUẤT ĐỐI VỚI TỪNG LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Lĩnh vực đầu tư được Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa cho vay và được ngân sách cấp bù lãi suất	Mức cấp bù (%)
I	**Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ**	
1	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất.	40
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế.	50
II	**Năng lượng**	
1	Đầu tư hệ thống điện (bao gồm đầu tư mới, đầu tư mở rộng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, thay thế, mua sắm tài sản); ngầm hóa các công trình điện; di dời lưới điện.	
a	Các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư và văn bản công bố địa bàn ưu đãi đầu tư của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm áp dụng.	50
b	Các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư và văn bản công bố địa bàn ưu đãi đầu tư của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm áp dụng.	40
c	Các dự án đầu tư tại các xã, phường không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư.	30
III	**Thương mại, dịch vụ**	
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng trung tâm logistics.	50
IV	**Nhà ở và phát triển đô thị**	
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội; nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp; đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên.	50

2	Đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng khu tái định cư.	50
V	**Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, thông tin, viễn thông**	
1	Các dự án đầu tư về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khu công nghệ thông tin tập trung, hạ tầng số cho doanh nghiệp.	50
2	Các dự án đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh, như: hải dương học, công nghệ sinh học, thủy sản, vắc xin và sinh phẩm y tế, nuôi biển, nông nghiệp, khu công nghệ cao; hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng thông tin, thống kê khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	50
VI	**Y tế, giáo dục**	
1	Đầu tư (bao gồm đầu tư mới, đầu tư mở rộng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, mua sắm tài sản) bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở phục hồi chức năng.	50
2	Đầu tư (bao gồm đầu tư mới, đầu tư mở rộng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, mua sắm tài sản) trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	50
VII	**Giao thông**	
1	Đầu tư xây dựng, đầu tư trang thiết bị, phương tiện các dự án công trình phục vụ giao thông vận tải.	
a	Đầu tư xây dựng, đầu tư trang thiết bị, phương tiện cảng biển.	40
b	Đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ phát triển vận tải công cộng (bến xe, bãi đỗ xe…).	40
c	Đầu tư, phát triển hệ thống giao thông vận tải xanh.	40
VIII	**Môi trường, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu**	
1	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch (bao gồm đầu tư mới, đầu tư mở rộng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, thay thế, mua sắm tài sản).	
a	Các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về ưu đãi	Cấp bù 100% lãi suất đối với phần

	đầu tư và văn bản công bố địa bàn ưu đãi đầu tư của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm áp dụng.	vốn vay không vượt quá 90% chi phí đầu tư công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
b	Các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư và văn bản công bố địa bàn ưu đãi đầu tư của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm áp dụng.	Cấp bù 100% lãi suất đối với phần vốn vay không vượt quá 75% chi phí đầu tư công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
c	Các dự án đầu tư tại các xã, phường không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư.	30
2	Đầu tư hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải, hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải.	60
3	Đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường (đáp ứng các tiêu chí nhãn sinh thái và được chứng nhận nhãn sinh thái, đáp ứng đầy đủ trình tự, thủ tục, chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm với môi trường theo quy định hiện hành).	60
IX	**Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn**	
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.	100